

Công ty Phước và Các Đồng Sự - Bản Tin Pháp Luật Tháng 11/2019



Phần 1 – Các vấn đề quan tâm

HIỆU QUẢ CỦA THỎA THUẬN BẢO MẬT THÔNG TIN VÀ KHÔNG CẠNH TRANH TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG

Ls. Lạc Duy & Ls. Nguyễn Hữu Phước¹

Nhu cầu ký kết các thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh (Non-Disclosure-Non Competition Agreement, gọi tắt là NDA), trong đó thường lồng ghép cam kết không làm việc cho công ty đối thủ sau khi người lao động (NLĐ) nghỉ việc (Non Competition Agreement, gọi tắt là NCA) đang tăng lên ở hầu hết các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, hiệu quả thực tế mang lại trong việc hạn chế quyền làm việc của NLĐ nêu trên để nhằm mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp hay người sử dụng lao động (NSDLĐ) cũ bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật thông tin (BMKD) thông qua các thỏa thuận NDA và NCA vẫn là hai dấu chấm hỏi. Thứ nhất, tính hiệu lực theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành đối với sự ràng buộc NLĐ không làm việc cho đối thủ cạnh tranh thông qua việc ký kết NCA có hay không? Thứ hai, tại sao NSDLĐ vẫn muốn tất cả NLĐ phải ký NDA cho dù tính hiệu quả và hiệu lực của NDA là một dấu chấm hỏi? Trong phạm vi bài viết này, người viết chỉ đề cập đến khía cạnh thứ hai.



Luật sư Lạc Duy là thành viên của Công ty Phuoc & Associates, là giảng viên thỉnh giảng tại Học viện Tư pháp và là diễn giả chính tại nhiều hội thảo pháp lý.

¹ Công ty Phuoc & Associates

Bắt nguồn từ nỗi lo “gan ruột” của NSDLĐ

Vài năm gần đây, ngày càng có nhiều khách hàng doanh nghiệp tìm đến luật sư để được tư vấn về việc làm thế nào để ngăn một số thông tin cực kỳ nhạy cảm thuộc về BMKD không bị NLĐ sắp hoặc mới rời khỏi công ty tiết lộ ra ngoài. Cá biệt, có trường hợp nhân sự chủ chốt nộp đơn xin nghỉ việc để liền ngay sau đó... qua thẳng doanh nghiệp đối thủ làm việc, mang theo toàn bộ chi tiết về chiến lược kinh doanh vốn được xây dựng nhằm cạnh tranh với... chính doanh nghiệp này. Đây quả thật là tình huống chẳng khác nào ngồi trên đồng lửa đối với bất kỳ NSDLĐ nào.



Lo lắng là vậy nhưng quả thật việc xác minh, thu thập bằng chứng khẳng định liệu BMKD có được NLĐ, bằng cách nào đó, trao cho công ty đối thủ hay được khai thác ở công ty mới hay không là rất khó khăn. Trong khi đó, hậu quả đối với NSDLĐ cũ khi BMKD của mình bị tiết lộ cũng không dễ gì có thể cân đo đong đếm hết.

Qua đây, một thực tế có thể thấy là dù đã ký hay chưa ký một thỏa thuận NDA với NLĐ, hay nội dung NDA đã ký có chặt chẽ thế nào, có bao gồm thỏa thuận NCA cam kết không chuyển qua làm việc cho đối thủ hay không, đến lúc này, nỗi lo chung của hầu hết NSDLĐ về việc BMKD bị các cựu nhân viên cấp cao tiết lộ dường như không khác nhau là mấy, nhất là khi các nhân sự cấp cao này đang nắm giữ những thông tin có giá trị mà đối thủ cạnh tranh rất muốn tiếp cận, thậm chí tìm cách để có được bằng mọi giá. Nói cách khác, sự tồn tại của một thỏa thuận NDA trong mối quan hệ với NLĐ không hẳn đã chấm dứt hoàn toàn nỗi lo về BMKD của NSDLĐ. Vấn đề đặt ra ở đây là (i) làm sao để không phụ thuộc vào việc đi hay ở của NLĐ, BMKD quan trọng luôn được an toàn? Đồng thời, (ii) làm thế nào để một thỏa thuận NDA có thể phát huy tốt nhất vai trò của nó trong việc hỗ trợ ngăn chặn hoặc giảm thiểu BMKD bị NLĐ tiết lộ ra bên ngoài.

BMKD cần được “đối xử” theo đúng nghĩa là BMKD

Ở khía cạnh quan hệ lao động, ngoài Điều 23.2 của Bộ Luật lao động 2012 (BLLĐ) quy định về quyền thỏa thuận BMKD thì BMKD chỉ được định nghĩa một cách chung chung khi dẫn chiếu đến Điều 4.23 của Luật Sở hữu Trí tuệ hiện hành (Luật SHTT), quy định: “Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.” Không những vậy, BMKD chỉ được bảo hộ khi và chỉ khi hội đủ ba điều kiện được quy định tại Điều 84 Luật SHTT bao gồm: (i) BMKD không phải là hiểu biết thông thường và không dễ dàng có được; (ii) BMKD khi được sử dụng trong kinh doanh sẽ tạo cho người nắm giữ bí mật kinh doanh lợi thế so với người không nắm giữ hoặc không sử dụng bí mật kinh doanh đó; và (iii) BMKD đã được chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để bí mật kinh doanh đó không bị bộc lộ và không dễ dàng tiếp cận được.



Thay vì phải đau đầu cho việc xử lý tranh chấp và chứng minh hội đủ 3 điều kiện như trên thật không hề đơn giản nêu trên, doanh nghiệp nên chủ động xây dựng trước cho mình các rào chắn vật lý, kỹ thuật (lưu trữ; trích xuất; khai thác sử dụng) và thiết kế cơ chế ứng xử nội bộ chặt chẽ để các thông tin mật có tính chất nhạy cảm không thể dễ dàng tiếp cận và có thể bị tiết lộ ra ngoài, hoặc ít nhất là không dễ bị tiết lộ một cách trọn vẹn. Để tăng cường tính hiệu quả của việc bảo vệ BMKD, việc phân loại thông tin theo mức độ quan trọng để có biện pháp bảo mật phù hợp là cần thiết. Điều này giúp NSDLĐ phân phối nguồn lực hợp lý, tập trung vào các BMKD thật sự có giá trị cao, dễ bị tổn thương. Việc đối xử như nhau đối với các thông tin có độ quan trọng và có khả năng bị tiết lộ khác nhau vô hình chung dẫn đến việc BMKD cần được bảo vệ nhiều hơn thì lại được sự quan tâm không tới, trong khi những thông tin khác thì lại tốn nhiều hơn thời gian, công sức, tiền bạc cần thiết cho việc bảo quản, giữ gìn.

Ngoài ra, một thông tin nào đó khi được xác định thuộc về BMKD thì trước hết cần được “đóng khung” trong dấu hiệu nhận dạng là chỉ được phổ biến trong phạm vi không gian, thời gian và cho số lượng NLĐ cực kỳ hạn chế và có trách nhiệm công việc thật sự liên quan cần tới bí mật đó. Ngược lại, nó sẽ được coi là đã được... giải mật khi mà đa số nhân viên của NSDLĐ, cả người có liên quan và không liên quan tới

công việc phải sử dụng BMKD đó, đều được cấp quyền truy xuất hoặc nếu muốn có thể tiếp cận không mấy khó khăn. Khi đó, việc cố gắng ngăn cản nó bị tiết lộ ra ngoài đôi khi là bất khả thi bởi những lý do thật đơn giản, chẳng hạn như khó xác định ai có thể là người tiết lộ BMKD trong số rất nhiều người đang nắm giữ. Đó là chưa kể, một khi NSDLĐ không xem trọng việc bảo vệ những thông tin thuộc sở hữu trí tuệ của mình, pháp luật hiện hành cũng chẳng có nghĩa vụ giúp họ bảo vệ chúng. Bởi vì, một trong những điều kiện tiên quyết để BMKD được bảo hộ theo Điều 84 Luật STTT nêu trên là phải được chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để không bị bộc lộ ra ngoài và không dễ dàng tiếp cận được.

Hơn nữa, việc ký một thỏa thuận NDA rồi... để đó, phó thác việc thực thi cho NLĐ như một nghĩa vụ đương nhiên mà họ đã cam kết, rõ ràng NSDLĐ có nguy cơ tự làm khó mình. Bởi vì, ngay cả khi có sự vi phạm thỏa thuận của NLĐ, việc tiết lộ BMKD xảy ra, trước hết bản thân NSDLĐ có thể đã phải gánh chịu những thiệt hại liên quan. Đến khi đưa vụ vi phạm ra tranh chấp, NSDLĐ sẽ có thể ở thế bất lợi nếu không cùng lúc chứng minh được: (a) Đã thực hiện các biện pháp cần thiết để tránh cho BMKD bị bộ lộ hay tiếp cận dễ dàng; và (b) có hành vi tiết lộ thông tin của NLĐ. Chưa kể, bất cứ yêu cầu bồi thường cho những thiệt hại thực tế nào cũng cần được chứng minh rằng những thiệt hại đó là hậu quả của hành vi tiết lộ BMKD của NLĐ.

Thậm chí, cho dù chứng minh được có sự cung cấp thông tin được cho là BMKD từ NLĐ cho bên thứ ba, đến lượt mình, nếu NSDLĐ không thuyết phục được người cầm cân nảy mực tin rằng họ đã áp dụng các biện pháp bảo mật cần thiết, phù hợp để bảo vệ BMKD đó mà trở thành bên thua kiện thì đó quả là điều đáng tiếc. Hơn thế nữa, nếu may mắn có được một bản án thuận lợi cho NSDLĐ, việc thi hành án đối với NLĐ vi phạm cũng sẽ nhiều khi không kém, đặc biệt là những người có hộ khẩu ở các tỉnh xa.

NDA cần được hiểu đúng bản chất - lớp bảo vệ thứ hai các bí mật kinh doanh cho NSDLĐ



Một khi NSDLĐ nắm giữ những BMKD và có những hành động thực chất nhằm bảo mật thông tin như phân tích ở trên, sự hiện diện trong thực tế của một NDA đôi khi không còn thật sự quá cần thiết, nhất là trong điều kiện việc thực thi và vận dụng các quy định pháp luật có liên quan hiện nay ở Việt Nam đối với loại thỏa thuận này khi có tranh chấp xảy ra vẫn còn nhiều vấn đề gây tranh luận. Trong khi đó, dù không có một thỏa thuận NDA, quyền và lợi ích hợp pháp đối với BMKD của NSDLĐ vẫn được bảo hộ theo quy định của pháp luật lao động và sở hữu trí tuệ. Ở chiều ngược lại, nghĩa

vụ tôn trọng quyền tài sản của NSDLĐ cũng phát sinh đối với tất cả các chủ thể có liên quan, không chỉ là NLĐ mà kể cả công ty đối thủ. Chế tài bằng hình thức kỷ luật lao động (đối với NLĐ đang làm việc) hay bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (đối với NLĐ đã nghỉ việc) hoàn toàn có cơ sở để áp dụng dựa trên thực tế tài sản là BMKD của doanh nghiệp bị xâm phạm bất hợp pháp.

Tất nhiên, sẽ chẳng hại gì nếu NSDLĐ muốn sử dụng một NDA được soạn sẵn, áp dụng đại trà trong nội bộ công ty với mục đích chính là “răn đe” chung chung đối với tất cả nhân viên trong việc không được tùy tiện tiết lộ những thông tin nội bộ của công ty ra bên ngoài cũng như giám thiểu việc “cháy máu chất xám” hay các hành vi lôi kéo NLĐ làm việc cho công ty đối thủ một cách không lành mạnh.

Tuy nhiên, nên tránh tình trạng để NDA bị ấn tượng như là một dạng văn bản mà ai vào công ty cũng phải ký với nội dung tương tự nhau, NLĐ sẽ dễ coi đây là một loại giấy tờ thủ tục cho có và có thể không quan tâm tới nội dung chi tiết trong đó có điều gì, thậm chí quên ngay việc... mình đã từng ký nó, và tất nhiên không nghĩ nhiều tới việc tôn trọng cam kết đã ký. Khi đó, một NDA đã ký dường như không còn nhiều ý nghĩa đối với việc bảo vệ BMKD cho NSDLĐ. Việc huấn luyện, đào tạo về pháp luật lao động nói chung và vấn đề bảo vệ thông tin mật, bí mật kinh doanh cũng cần được thực hiện thường xuyên trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp để gián tiếp nhắc nhở nghĩa vụ của NLĐ về vấn đề này.

Điều này khiến NSDLĐ phải cân nhắc việc đầu tư, thiết kế những thỏa thuận NDA có nội dung áp dụng cho các trường hợp cụ thể, với những nhân sự giữ những vị trí chủ chốt, đặc biệt trong doanh nghiệp mình mà họ tin rằng, một khi những BMKD cụ thể nào đó được trao cho những nhân sự này, ưu tiên cao nhất là làm sao để họ tự nguyện tôn trọng những cam kết bảo mật đã ký hơn là xử lý những vấn đề pháp lý phát sinh khi có sự vi phạm xảy ra.

Phần 2 - Điểm tin đáng chú ý

1. Quy định về thu tiền sử dụng đất

Ngày ngày 26 tháng 10 năm 2019, Chính phủ đã ban hành [Nghị định số 79/2019/NĐ-CP](#) sửa đổi Điều 16 Nghị định 45/2014/NĐ-CP quy định về thu tiền sử dụng đất ("**Nghị định 79**"). Theo đó, Nghị định 79 có những điểm đáng chú ý như sau:



Đối tượng ghi nợ sử dụng đất

Hộ gia đình, cá nhân (bao gồm người có công với cách mạng; hộ nghèo; hộ gia đình, cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại địa bàn cấp xã được công nhận là địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) được ghi nợ tiền sử dụng đất trong trường hợp được giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thời hạn ghi nợ

Hộ gia đình, cá nhân thuộc các đối tượng ghi nợ sử dụng đất như trên (sau đây gọi là hộ gia đình, cá nhân) được trả nợ dần trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định giao đất tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và không phải nộp tiền chậm nộp trong thời hạn 05 năm này.

Trường hợp sau 05 năm kể từ ngày có quyết định giao đất tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà hộ gia đình, cá nhân chưa trả hết nợ tiền sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) thì hộ gia đình, cá nhân phải nộp đủ số tiền sử dụng đất còn nợ và tiền chậm nộp tính trên số tiền còn nợ theo mức quy định của pháp luật về quản lý thuế từ thời điểm hết thời hạn 05 năm được ghi nợ tới thời điểm trả nợ.

Quy định về xử lý chuyển tiếp

Hộ gia đình, cá nhân đã được ghi nợ tiền sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà đến trước 10/12/2019 chưa thanh toán hết nợ thì thực hiện như sau:

Nếu đã được ghi nợ trước ngày 01/3/2016 thì:

- Tiếp tục thanh toán tiền sử dụng đất còn nợ theo chính sách và giá đất tại thời điểm cấp GCN (hoặc theo số tiền ghi trên GCN đã được xác định theo đúng quy định) đến hết ngày 28/02/2021;
- (Quy định này không áp dụng đối với số tiền sử dụng đất thanh toán nợ mà hộ gia đình, cá nhân đã nộp vào ngân sách nhà nước); và
- Kể từ ngày 01/3/2021 trở về sau thì hộ gia đình, cá nhân phải thanh toán số tiền sử dụng đất còn nợ theo chính sách và giá đất tại thời điểm trả nợ.

Nếu đã được ghi nợ từ ngày 01/3/2016 đến trước ngày 10/12/2019 thì:

- Tiếp tục thanh toán tiền sử dụng đất còn nợ theo số tiền ghi trên GCN đã được xác định theo đúng quy định tại Nghị định 45/2014/NĐ-CP trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ghi nợ tiền sử dụng đất; và
- Quá thời hạn 05 năm kể từ ngày ghi nợ tiền sử dụng đất thì hộ gia đình, cá nhân phải thanh toán số tiền còn nợ theo chính sách và giá đất tại thời điểm trả nợ.

Nghị định 79/2019/NĐ-CP sẽ có hiệu lực từ ngày 10/12/2019.

2. Quy định hướng dẫn định dạng dữ liệu hóa đơn điện tử



Ngày 30 tháng 9 năm 2019, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 68/2019/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 119/2018/NĐ-CP về hóa đơn điện tử (HĐĐT) khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ chính thức có hiệu lực từ ngày 14/11/2019 (**Thông tư 68**). Theo đó Thông tư 68 có những điểm đáng chú ý như sau:

Thời gian áp dụng

Từ ngày 01/11/2020 trở đi, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải thực hiện đăng ký áp dụng HĐĐT theo hướng

dẫn tại Thông tư 68/2019/TT-BTC này.

Về nội dung Hóa đơn điện tử

Cơ bản giống với nội dung hóa đơn giấy tại Thông tư 39/2014/TT-BTC và có bổ sung thêm chỉ tiêu: Mã của cơ quan thuế (CQT) đối với HĐĐT có mã của CQT; Phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và nội dung khác liên quan (nếu có).

Những trường hợp HĐĐT không cần có đầy đủ các nội dung

- HĐĐT bán hàng tại siêu thị, trung tâm thương mại mà người mua là cá nhân không kinh doanh;
- HĐĐT bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh;
- HĐĐT là tem, vé, thẻ;
- Chứng từ điện tử dịch vụ vận tải hàng không xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử được lập theo thông lệ quốc tế cho người mua là cá nhân không kinh doanh được xác định là HĐĐT;
- Hóa đơn của hoạt động xây dựng, lắp đặt; hoạt động xây nhà để bán có thu tiền theo tiến độ theo hợp đồng;
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử; và
- Hóa đơn sử dụng cho thanh toán Interline giữa các hãng hàng không được lập theo quy định của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.

Các trường hợp rủi ro cao về thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

Doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu dưới 15 tỷ đồng và có một trong tám (08) dấu hiệu nêu tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư 68/2019 thì sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế trong 12 tháng hoạt động liên tục.

Các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT có mã và không có mã của CQT

- Bao gồm 07 trường hợp được nêu tại Điều 9 và Điều 15 Thông tư này.
- Đơn vị thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn được tiếp tục sử dụng HĐĐT có mã hoặc không có mã sau khi thông báo với cơ quan thuế về việc tiếp tục kinh doanh hoặc được cơ quan thuế khôi phục mã số thuế, được bãi bỏ quyết định cưỡng chế nợ thuế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2019.

3. Quy định về việc sửa đổi Quy chế quản lý và cấp mã số BHXH

Ngày 30 tháng 09 năm 2019, BHXH Việt Nam ban hành Quyết định 1270/QĐ-BHXH năm 2019 sửa đổi,

bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và cấp mã số BHXH cho người tham gia BHXH, BHYT ban hành kèm theo Quyết định 346/QĐ-BHXH năm 2019 (**Quyết định 1270**).

Theo đó, quyết định này đã sửa đổi quy trình cập nhật biến động thành viên hộ gia đình tham gia BHXH, BHYT như sau:

- Trong trường hợp UBND xã đã kết nối liên thông cơ sở dữ liệu với Bộ Tư pháp thì không cần lập hồ sơ đề nghị cấp thẻ BHYT, mà chỉ nhận Danh sách biến động thành viên hộ gia đình (Mẫu 01-BD) có thông tin của trẻ em được cấp thẻ bảo hiểm từ bưu điện; và
- Bảo hiểm xã hội huyện, trong trường này sẽ tự động cấp mã số bảo hiểm xã hội cho trẻ em dưới 06 tuổi, ngay khi nhận được dữ liệu từ Bộ Tư pháp. Mặt khác, Bảo hiểm xã hội huyện còn phải in dữ liệu Danh sách người chỉ tham gia bảo hiểm y tế đã có mã số bảo hiểm xã hội của trẻ em dưới 06 tuổi đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế chuyển Phòng/Tổ Quản lý thu thực hiện nghiệp vụ phát sinh trong vòng 24 giờ.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30/9/2019.

4. Quy định về trình tự thực hiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, Bộ Công an đã ban hành Thông tư 48/2019/TT-BCA sửa đổi, bổ sung một số quy định về trình tự thực hiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân (CCCD) (**Thông tư 48**).

Theo đó, nếu công dân làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ CCCD tại cơ quan quản lý CCCD cấp huyện cần điều chỉnh thay đổi thông tin trong sổ hộ khẩu thì được tiếp nhận hồ sơ đồng thời với hồ sơ CCCD nếu:

- Việc điều chỉnh thuộc thẩm quyền của công an cấp huyện;
- Công dân xuất trình đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định của pháp luật về cư trú.

Ngoài ra, **Thông tư 48** cũng nêu một số nội dung mới trong thủ tục cấp đổi từ Chứng minh nhân dân qua Căn cước công dân như:

- Công dân có thể thực hiện kê khai thông tin cấp căn cước bằng máy tính thay vì phải khai bằng tay trên giấy như hiện nay;
- Thu Chứng minh nhân dân, cắt góc, hoàn thiện hồ sơ và trả lại cho công dân đối với những trường hợp công dân đăng ký nhận thẻ CCCD qua đường chuyển phát đến địa chỉ theo yêu cầu; và
- Chứng minh nhân dân bị hỏng, bong tróc, không rõ nét thì thu, hủy Chứng minh nhân dân đó và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Thông tư 48 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/12/2019.

Phần 3 – Văn Bản Mới Ban Hành

STT	TÊN VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	NGÀY CÓ HIỆU LỰC
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định 79/2019/NĐ-CP sửa đổi điều 16 Nghị Định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất	26/10/2019	10/12/2019
2	Nghị định 78/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý thị trường	14/10/2019	10/12/2019
3	Nghị định 77/2019/NĐ-CP quy định về về tổ hợp tác	10/10/2019	25/11/2019
4	Nghị định 76/2019/NĐ-CP quy định về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	08/10/2019	01/12/2019
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			
1	Thông tư 13/2019/TT-BNNPTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	25/10/2019	01/01/2020
2	Thông tư 11/2019/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của bộ trưởng bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản	22/10/2019	06/12/2019
3	Thông tư 12/2019/TT-BNNPTNT Quy định về thống kê ngành lâm nghiệp	25/10/2019	01/01/2020
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Thông tư 72/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 6 Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá	14/10/2019	01/12/2020
2	Thông tư 70/2019/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã	03/10/2019	01/01/2020
3	Thông tư 68/2019/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	30/09/2019	14/11/2019
4	Thông tư 62/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của bộ trưởng bộ tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	05/09/2019	21/10/2019

BỘ CÔNG AN			
1	Thông tư 48/2019/TT-BCA sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 11/2016/tt-bca ngày 04 tháng 3 năm 2016 của bộ công an quy định về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân	15/10/2019	01/12/2019
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC			
1	Thông tư 15/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối	11/10/2019	25/11/2019
2	Thông tư 16/2019/TT-NHNN quy định về phát hành tín phiếu ngân hàng nhà nước	22/10/2019	09/12/2019
BỘ Y TẾ			
1	Thông tư 28/2019/TT-BYT hướng dẫn việc thông tin, báo cáo hoạt động kiểm dịch y tế biên giới	28/10/2019	10/12/2019
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI			
1	Thông tư 42/2019/TT-BGTVT quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	30/10/2019	01/01/2020
2	Thông tư 41/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của bộ trưởng bộ giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	30/10/2019	01/07/2020
3	Thông tư 39/2019/TT-BGTVT quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa	15/10/2019	01/01/2020
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			
1	Thông tư 10/2019/TT-BTTTT ban hành “quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ cho thiết bị đầu cuối và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động”	04/10/2019	01/07/2020
BỘ QUỐC PHÒNG			
1	Thông tư 155/2019/TT-BQP hướng dẫn chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc bộ quốc phòng thành công ty cổ phần	15/10/2019	01/12/2019
2	Thông tư 157/2019/TT-BQP hướng dẫn thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do bộ quốc phòng quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	15/10/2019	01/12/2019

Lưu ý: Nội dung của bản tin này không cấu thành tư vấn pháp lý và cũng không phản ánh ý kiến của chúng tôi hoặc bất kỳ chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Mục đích của bản tin này là cung cấp thông tin chung, có thể đúng hoặc không chính xác, đầy đủ hay được cập nhật tại thời điểm độc giả đọc bản tin này. Nội dung của tài liệu này không nhằm mục đích sử dụng thay thế cho các tư vấn hoặc ý kiến pháp lý cụ thể nào. Vui lòng tìm sự tư vấn pháp lý phù hợp hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác cho bất kỳ vấn đề pháp lý cụ thể nào mà bạn có thể có. Chúng tôi, Phước và Các Đồng Sự, từ chối mọi trách nhiệm liên quan đến các hành động được thực hiện hoặc không được thực hiện bởi độc giả dựa trên bất kỳ hoặc tất cả nội dung của bản tin này.

Công Ty Phước và Các Đồng Sự

Trụ Sở Chính

70 Đường Quốc Hương, Phường
Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

T: +84 28 3622 3522

E: info@phuoc-associates.com

Văn phòng Hà Nội

Tầng 5 Tòa nhà Vinachimex, Số 04
Đường Phạm Ngũ Lão, Phường Phan
Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

T: +84 28 3622 3522

E: info@phuoc-associates.com

Văn phòng Đà Nẵng

629 Đường Điện Biên Phủ, Quận Thanh
Khê, TP. Đà Nẵng

T: +84 28 3622 3522

E: info@phuoc-associates.com

<https://phuoc-associates.com>

<https://chiaseluatlaodong.com>